

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-4-2022

V/v “Ly hôn, trả chấp về
nuôi con”

NHÂN DA

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA
ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thạch Út

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tố A – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 về “Ly hôn, trả chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 và giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: A Nguyễn Văn C, sinh năm: 1994 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 18, ấp Hòa H, xã Hòa Bình Th, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Chị Võ Phạm Trà M, sinh năm: 1997 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 18, ấp Hòa H, xã Hòa Bình Th , huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Hiện tạm trú: ẤTổ 26, ấp Phú H , xã Bình H , huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 05/5/2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn A Nguyễn Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Giữa A với chị M kết hôn năm 2015, hôn nhân tự tình hiểu, có tổ chức đám cưới năm 2015 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Bình Th, huyện Châu Th, tỉnh An Giang số 128 ngày 20/10/2015. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với cha mẹ ruột của A. Đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đến tháng 5 năm 2020 chị M bỏ về nhà cha mẹ ruột chị. Do A muốn nhà gắn tình cảm vợ chồng, nên A rước chị M về vợ chồng đoàn tụ, cùng lo cho con. Sau khi vợ chồng về chung sống được khoảng hơn 01 thì chị M tiếp tục bỏ nhà đi. Từ tháng 7/2020 A và chị M ly thân cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân, cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. A yêu cầu ly hôn với chị M vì không còn tình cảm.

- Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Nhật A, sinh ngày 11/11/2014. Hiện cháu A do A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, khi ly hôn A yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, tự thỏa thuận

* Bị đơn chị Võ Phạm Trà M tại văn bản trình bày ý kiến ngày 01/11/2021: Chị không còn tình cảm với A C, đồng ý ly hôn; vợ chồng có 01 con chung đúng như A C trình bày, hiện cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 11/11/2014 do A C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho A C tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn A Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn chị Võ Phạm Trà M: tại văn bản trình bày ý kiến ngày 01/11/2021 thể hiện nội dung yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về việc chấp hành pháp luật: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: ông Nguyễn Văn C có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Th giải quyết về “Ly hôn, trA chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ sổ hộ khẩu số 010029879, hồ sơ hộ khẩu 744/CD thể hiện chị M có hộ khẩu tại ấp Hòa Hưng, xã Hòa Bình Th, huyện Châu Th, tỉnh An Giang và văn bản trình bày ý kiến 01/11/2021 thể hiện chị có nơi cư trú tại ấp Phú H 2, xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 BLTTDS 2015. Chị M không có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 01/11/2021 chị M có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị M.

[2] Về nội dung trA chấp:

2.1 Về hôn nhân: A Nguyễn Văn C, chị Võ Phạm Trà M có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Bình Th, huyện Châu Th, tỉnh An Giang số 128 ngày 20/10/2015 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa A chị là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa A C, chị M. Mục đích tạo điều kiện cho A chị đoàn tụ; Tuy nhiên, A C vẫn giữ yêu cầu ly hôn; chị M có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của A C đồng ý ly hôn. Điều này, thể hiện cả hai không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy cả A C, chị M đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của A C có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Nhật A, sinh ngày 11/11/2014. Ông Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi con chung; Đồng thời tại phiên tòa cháu A có nguyện vọng tiếp tục sống chung với ba A C. Do đó, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ năm 2014, được HĐXX xem xét chấp nhận. A C phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do A C không yêu cầu.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, Miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

A C, chị M có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, Miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Văn C; Anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Võ Phạm Trà M

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64 ngày 30/3/2012 tại UBND xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn C được tiếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Nhật A, sinh ngày 11/11/2014. A C phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị M việc được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Việc nuôi con không cố định. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Anh C không yêu cầu. HĐXX không xem xét về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0002651 ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: ANguyễn Văn C, chị Võ Phạm Trà M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/4/2022); Riêng bà M được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang